

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ RIỀNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HSST

Ngày: 14/3/2018

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Lê Viết Hòa**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Phạm Văn Khuyến**

**Bà Trần Thị Thanh Miên**

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* **Ông Chu Ngọc Phú** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* **Ông Hoàng Xuân Lưu** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 36/2017/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lưu Xuân D**, sinh năm 1989 tại Bình Phước; HKTT: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Lưu Xuân H, sinh năm 1954 và bà Khương Thị T, sinh năm 1959; Vợ là Phan Nhật Thúy A, sinh năm 1995 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/11/2017 cho đến nay, “có mặt”.

**\* Người bị hại:**

Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1990 (Có mặt)

Trú tại: Thôn T, xã P, huyện R, tỉnh Bình Phước

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1988 (Có mặt)

Trú tại: Thôn T, xã P, huyện R, tỉnh Bình Phước

Bà Khương Thị T, sinh năm 1959 (Có mặt)  
Trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 05/10/2017, Lưu Xuân D đang ở nhà thì đối tượng tên C (chưa rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo màu đen (chưa rõ biển số) đến nhà và rủ D đi uống cà phê, sau đó cả hai đi uống rượu tại khu vực chợ B thuộc xã T, huyện Đ. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô chở C về, trên đường đi C nói với D “ở bên này có chỗ nào để lấy trộm xe được không”, D nói “có”, rồi C nói “vậy mày chở anh vào chỗ đó đi” và D chở C vào thôn T, xã P, huyện R. Khi đi ngang qua nhà Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1990 thuộc thôn T, xã P thì C phát hiện trước hiên nhà ông T có dựng một xe mô tô hiệu Honda, loại xe Blade, biển số 93P1 – 930.xx, trên xe có sẵn chìa khóa và không có ai trông coi. Lúc này, C nói D dừng xe lại để C vào lấy chiếc xe mô tô trên và nói D đi tới phía trước một đoạn đợi thì D đi đến phía trước cách nhà ông T khoảng 10m đứng canh giới. Khoảng 10 phút sau, C lấy được xe mô tô rồi bỏ chạy, khi chạy ngang qua D thì C bấm còi xe để ra hiệu cho D rồi cả hai chạy tẩu thoát về hướng xã P, huyện R. Đi được một đoạn gặp ngã ba nên C chạy về hướng xã R còn D đi theo C khoảng 50m rồi quay lại đi về nhà.

Đến khoảng 13 giờ ngày 06/10/2017, C đến nhà gặp D nói bán xe được 6.000.000 đồng và đưa cho D số tiền 2.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 106 ngày 18/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Phú Riềng xác định: tại thời điểm ngày 05/10/2017 thì xe mô tô hiệu Honda, loại xe Blade, biển số 93P1 – 930.xx của gia đình ông Tính có giá trị sử dụng là 16.100.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 15/CTr-VKS ngày 12/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như trên và bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong phần luận tội, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999:

Xử phạt bị cáo Lưu Xuân D mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý về vật chứng và trách nhiệm dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát Viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đó đã xác định được: Do mục đích tư lợi cá nhân, vào khoảng 17 giờ ngày 05/10/2017, Lưu Xuân D cùng đối tượng tên C (không rõ nhân thân, lai lịch) đã lợi dụng sơ hở của người bị hại, lén lút chiếm đoạt một xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 93P1 – 930.xx của Ông Đỗ Văn T trị giá 16.100.000 đồng

[3] Hành vi trên của bị cáo Lưu Xuân D đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo lợi dụng sơ hở của người bị hại để thực hiện hành vi chiếm đoạt. Hành vi này xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân nơi bị cáo thực hiện việc tội phạm. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tác động gia đình tiền bồi thường khắc phục thiệt hại cho gia đình bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Phú Riềng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với đối tượng tên C là người đã cùng D trộm cắp tài sản của ông T, qua điều tra không rõ nhân thân, lai lịch của C nên Cơ quan Điều tra Công an huyện Phú Riềng tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ xử lý sau nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**Về trách nhiệm dân sự:**

Tại phiên tòa, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

**Về xử lý vật chứng:**

Đối với một xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 93P1 – 930.xx là tài sản sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Văn T, qua điều tra hiện không thu hồi được nên HĐXX không xem xét.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố** bị cáo **Lưu Xuân D** phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 33 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lưu Xuân D** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/11/2017.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** không xem xét giải quyết.

**3. Án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết án phí, lệ phí bị cáo **Lưu Xuân D** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- CA huyện Phú Riềng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Lê Viết Hòa**